TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02*/2023/QĐST/HNGĐ*

Mê Linh, ngày 03 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị Tuyết N, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn L, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn L, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 73/2013, ngày 13/9/2013, tại UBND xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Lục Thị Tuyết N và

anh Nguyễn Chí C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2019.

Giao cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2019 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi (Nếu không có sự thay đổi nào khác về nuôi con chung); chị N không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi có sự thay đổi khác. Sau khi ly hôn chị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: Không có, không xem xét.

- Về án phí: Chị N tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị N đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0020826 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại chị N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND K.*
- *Chi cục THADS K.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định